

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN B
TỈNH SƠN LA

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 02/2025/HNGĐ-ST

Ngày 20-01-2025

V/v Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B, TỈNH SƠN LA

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Quàng Văn Thủy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Hoàng Thị Quyên

2. Bà Nguyễn Thu Trang

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Ngô Huyền Trang - Thẩm phán Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Sơn La.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Sơn La tham gia phiên tòa:** Ông Trần Hữu Hòa - Kiểm sát viên

Ngày 20 tháng 01 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Sơn La xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 12/2024/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 10 năm 2024 về việc: Ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 12 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2025/QĐST-HNGĐ ngày 03 tháng 01 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lữ Thị L, sinh năm 1988.

Địa chỉ: Bản T1, xã T, huyện B, tỉnh Sơn La, vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Anh Lữ Văn H, sinh năm 1989.

Địa chỉ: Bản T1, xã T, huyện B, tỉnh Sơn La, vắng mặt không có lý do.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: UBND xã M, huyện B, tỉnh Sơn La. Người đại diện là ông Lữ Văn C – Chủ tịch UBND xã M, huyện B, tỉnh Sơn La. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Trong đơn khởi kiện ngày 12/8/2024, các lời khai trong quá trình tố tụng và tại đơn xin xét xử vắng mặt nguyên đơn chị Lữ Thị L trình bày:

Chị Lữ Thị L và Anh Lữ Văn H tìm hiểu nhau và đi đến kết hôn có đăng ký kết hôn tại UBND xã M, huyện B, tỉnh Sơn La vào ngày 02/4/2007, việc kết hôn do hai bên tự nguyện không ai ép buộc. Cuộc sống chung của vợ chồng H phúc được một thời gian thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân của mâu thuẫn là do anh H bỏ bê công việc, ham chơi lêu lổng, nghiện hút đã được đưa đi cải tạo, giáo dục nhưng không thay đổi bản thân và có hành vi bạo lực gia đình, không

cho chị L vào nhà, chị L không có nhà ở phải đi ở nhờ anh em bên ngoại. Hai vợ chồng đã sống ly thân từ nhiều năm nay. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị Lữ Thị L đề nghị Tòa án xem xét giải quyết được ly hôn với Anh Lữ Văn H.

Về con chung: Chị Lữ Thị L, anh Lữ Văn H có 02 người con chung tên là Lữ Đức Bảo, sinh ngày 13/5/2008 và Lữ Minh Xuân sinh ngày 18/7/2012, hiện nay hai cháu đang ở cùng bố và ông bà nội. Chị L có ý kiến là giao hai cháu cho bố và ông bà nội tiếp tục nuôi dưỡng để tránh ảnh hưởng, gián đoạn đến cuộc sống và việc học tập của các cháu. Chị Lữ Thị L có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi hai cháu, mỗi cháu 1.000.000 đồng/ tháng.

Về tài sản chung, nợ chung: Không đề nghị giải quyết trong vụ án.

Ngày 15/11/2024, Tòa án tiến hành lập biên bản xác minh ông Lữ Văn Nháo (bố đẻ anh Lữ Văn H) xác định: Chị Lữ Thị L và anh Lữ Văn H chung sống với nhau có đăng ký kết hôn tại UBND xã M và đăng ký thường trú tại bản T1, xã T, huyện B, tỉnh Sơn La; cuộc sống chung vợ chồng H phúc được một thời gian thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân của mâu thuẫn là do chị Lữ Thị L không chung thủy từ đó cuộc sống chung thường xuyên xảy ra cãi vã, hai vợ chồng đã sống ly thân từ khoảng năm 2020 đến nay. Anh Lữ Văn H cũng đi làm ăn xa, thỉnh thoảng có về nhà thăm bố mẹ và các con. Qua trao đổi tâm tư nguyện vọng của anh H thì anh H cũng nhất trí ly hôn do hai vợ chồng không còn tình cảm, sống ly thân đã lâu và không còn quan tâm đến nhau.

Về con chung: Trong thời gian chung sống, chị Lữ Thị L, anh Lữ Văn H có 02 người con chung tên là Lữ Đức Bảo, sinh ngày 13/5/2008 và Lữ Minh Xuân sinh ngày 18/7/2012, hiện nay hai cháu đang ở cùng bố và vợ chồng ông Lữ Văn Nháo là ông bà nội của các cháu. Hiện tại hai cháu đang sinh sống và học tập ổn định tại bản T1, xã T, huyện B, thỉnh thoảng bố cháu vẫn về thăm các cháu, để không làm xáo trộn cuộc sống của các cháu, ông Nháo đề nghị Tòa án nhân dân huyện B xem xét giao hai cháu cho anh Lữ Văn H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và yêu cầu chị Lữ Thị L cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh Lữ Văn H.

Ngày 15/11/2024, Tòa án tiến hành lập biên bản xác minh đối với trưởng bản T1, xã T và lãnh đạo Ủy ban nhân dân xã T, huyện B xác định: Chị Lữ Thị L và anh Lữ Văn H chung sống với nhau có đăng ký kết hôn tại UBND xã M và đăng ký thường trú tại bản T1, xã T, huyện B, tỉnh Sơn La; cuộc sống chung vợ chồng H phúc được một thời gian thì thấy phát sinh mâu thuẫn trong cuộc sống và sống ly thân từ năm 2020, chị Lữ Thị L về nhà bố mẹ đẻ ở và đi làm thuê còn anh H cũng đi làm thuê, thỉnh thoảng có về nhà thăm bố mẹ và các con, gia đình vẫn thường xuyên liên lạc được với anh H.

Về con chung: chị Lữ Thị L, anh Lữ Văn H có 02 người con chung tên là Lữ Đức Bảo, sinh ngày 13/5/2008 và Lữ Minh Xuân sinh ngày 18/7/2012 hiện tại đều chung sống với bố và ông bà nội ở bản T1, xã T, cháu Lữ Đức Bảo đã nghỉ học đang đi làm trong bản còn cháu Lữ Minh Xuân đang đi học tại trường THCS xã T.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện B đã tiến hành xác minh tại Công an xã T, huyện B xác định qua tra cứu thông tin trên hệ thống dữ liệu dân cư thì anh Lữ Văn H sinh ngày 08/01/1989. UBND xã T đã rà soát trong phần mềm và sổ lưu trữ đăng ký khai sinh không có hồ sơ đăng ký khai sinh của anh Lữ Văn H nên Tòa án không thu thập được giấy khai sinh của anh Lữ Văn H.

Tiến hành làm việc với UBND xã M nơi đăng ký kết hôn cho chị Lữ Thị L và anh Lữ Văn H xác định do thời gian đã lâu nên hiện tại UBND xã M không còn lưu trữ hồ sơ đăng ký kết hôn của chị Lữ Thị L và anh Lữ Văn H, chỉ thể hiện trong sổ đăng ký kết hôn tại trang 13 số 13/2007 thể hiện họ và tên chồng là Lữ Văn H, sinh ngày 07/02/1987 và họ tên vợ là Lữ Thị Liễn, sinh ngày 16/8/1989 đều thường trú tại: Bản Co Muồng (nay là bản T1), xã T, huyện B, đăng ký kết hôn ngày 02/4/2007, người ký giấy chứng nhận kết hôn là ông Hà Văn Nghĩa – Chủ tịch UBND xã (đã nghỉ hưu) và cán bộ tư pháp hộ tịch tiếp nhận hồ sơ đăng ký là ông Hoàng Văn Phớ (hiện nay đã chết). Do sơ xuất của cán bộ chuyên môn tư pháp thời điểm đó (ngày tháng năm sinh của anh H trong giấy đăng ký kết hôn không khớp với các giấy tờ nhân thân của anh H) nên việc đăng ký kết hôn cho chị Lữ Thị L và anh Lữ Văn H không đúng quy định của pháp luật (anh H chưa đủ 20 tuổi). UBND xã xin nhận sai sót trên và đề nghị Tòa án nhân dân huyện B giải quyết, xét xử vụ án theo đúng quy định của pháp luật.

Toà án nhân dân huyện B đã giao thông báo thụ lý, thông báo triệu tập đương sự hợp lệ thông qua người thân (ông Lữ Văn Nháo), chính quyền địa phương nhưng không có kết quả nên tiến hành niêm yết công khai các văn bản tố tụng để anh H thực hiện quyền và nghĩa vụ, trình bày ý kiến, lấy lời khai nhưng anh H không hợp tác, không có phản hồi và cố tình vắng mặt. Hơn nữa, (Ngày 30/10/2024 Tòa án nhân dân huyện B đã gửi Thông báo thụ lý vụ án cho anh Lữ Văn H qua Zalo cá nhân của anh H, anh H đã nhận, đã đọc được thông tin và có phản hồi là *“vợ chồng em giờ đang ly thân...về việc giải quyết ly hôn...thì em đồng ý nhưng có mặt em...em cũng có lời trình với tòa không phải nó thích làm thế nào là làm đâu ah a”*).

Tại phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 18/12/2024 chị Lữ Thị L giữ nguyên yêu cầu, phạm vi khởi kiện, không có yêu cầu phản tố, không ai cung cấp tài liệu chứng cứ, yêu cầu gì khác. Tuy nhiên, anh H không có mặt nên chị L đã có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải nên Toà án đã lập biên bản không hoà giải được.

Vì vậy căn cứ vào khoản 1, 4 Điều 207; Điều 220 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án đã ra quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa ngày hôm nay nguyên đơn vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện của mình về quan hệ hôn nhân, nuôi con chung sau ly hôn, đề nghị Tòa án nhân dân huyện B xem xét giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Sơn La tại phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký

phiên tòa: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân và Thư ký Tòa án đã tuân thủ theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình trong việc cung cấp tài liệu chứng cứ để giải quyết vụ án đảm bảo theo đúng quy định của pháp luật. Bị đơn không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự việc Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn là có căn cứ.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; Điểm a khoản 1 Điều 8; Điều 11, 12, khoản 1 Điều 51, 57, 58, 81, 82, 83, 107, 110, 116 và Điều 117 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Điểm b khoản 2 Điều 4 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016, Hướng dẫn thi hành một số điều của Luật hôn nhân và gia đình Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, đề nghị:

Hủy việc kết hôn trái pháp luật giữa chị Lữ Thị L và anh Lữ Văn H.

Về con chung: Giao hai cháu Lữ Đức Bảo, sinh ngày 13/5/2008 và Lữ Minh Xuân sinh ngày 18/7/2012 cho anh Lữ Văn H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến tuổi trưởng thành đủ 18 tuổi và có khả năng lao động, chị Lữ Thị L có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi cháu Lữ Đức Bảo và cháu Lữ Minh Xuân mỗi cháu là 1.000.000 đồng (Một triệu đồng)/ 1 tháng/1 cháu, thời điểm cấp dưỡng tính ngày tuyên án sơ thẩm cho đến khi các cháu trưởng thành đủ 18 tuổi và có khả năng lao động. Chị Lữ Thị L được quyền đi lại thăm nom con chung sau khi ly hôn, không ai được cản trở.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Về án phí: Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho chị Lữ Thị L.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Xét về hình thức, nội dung đơn khởi kiện của Chị Lữ Thị L là phù hợp quy định của pháp luật. Việc khởi kiện trên thuộc trường hợp tranh chấp về Ly hôn theo khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn trong vụ án có nơi cư trú tại huyện B vì vậy vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện B theo điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Quá trình thụ lý giải quyết vụ án và tại phiên tòa Tòa án tiến hành theo đúng thủ tục tố tụng, đương sự không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã được thực hiện đều hợp pháp. Nguyên đơn, người có

quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được triệu tập hợp lệ nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa dù đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần. Căn cứ vào điểm a, b khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lữ Thị L, sinh ngày 08/5/1988 và anh Lữ Văn H, sinh 08/01/1989, tự nguyện chung sống với nhau có đăng ký kết hôn ngày 02/4/2007 tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện B. Tuy nhiên, tại thời điểm đăng ký kết hôn anh H có độ tuổi 18 tuổi 02 tháng 25 ngày là chưa đủ tuổi kết hôn. Đến thời điểm hiện tại anh Lữ Văn H đã đủ tuổi kết hôn nhưng trong quá trình chung sống có nhiều mâu thuẫn nguyên nhân là do chị L cho rằng anh H bỏ bê công việc, ham chơi, nghiện hút. Về phía gia đình của anh Lữ Văn H cho rằng chị L không chung thủy từ đó dẫn đến vợ chồng chị L, anh H xảy ra mâu thuẫn và hai người đã sống ly thân mỗi người một nơi không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị L đề nghị Tòa án xem xét giải quyết được ly hôn Anh Lữ Văn H.

Thời điểm đăng ký kết hôn anh Lữ Văn H chưa đủ tuổi kết hôn nên việc kết hôn là trái pháp luật do vi phạm quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000.

Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu ly hôn của Chị L là có căn cứ bởi lẽ: Mục đích của hôn nhân là nhằm xây dựng một gia đình ấm no, H phúc, bình đẳng, tiến bộ, bền vững. Tuy nhiên kể từ khi xảy ra mâu thuẫn Chị L và anh H đã sống ly thân mỗi người ở một nơi từ khoảng năm 2020 cho đến nay và không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau. Do đó Hội đồng xét xử xét thấy cuộc hôn nhân giữa chị L và anh H đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, mặc dù chị Lữ Thị L khởi kiện yêu cầu ly hôn nhưng anh Lữ Văn H không có yêu cầu, ý kiến gì đối với nội dung khởi kiện của chị L, do đó thuộc trường hợp hủy kết hôn trái pháp luật theo điểm b khoản 2 Điều 4 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016, Hướng dẫn thi hành một số điều của Luật hôn nhân và gia đình, do vậy, Hội đồng xét xử xét thấy cần hủy việc kết hôn trái pháp luật giữa chị Lữ Thị L với anh Lữ Văn H.

[3]. Về hậu quả pháp lý của hủy việc kết hôn trái pháp luật: Do việc kết hôn giữa chị Lữ Thị L và anh Lữ Văn H vi phạm Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 và là kết hôn trái pháp luật nên kể từ khi quyết định này có hiệu lực pháp luật, chị Lữ Thị L và anh Lữ Văn H phải chấm dứt quan hệ như vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 12 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4]. Về con chung: Hội đồng xét xử nhân thấy chị Lữ Thị L với anh Lữ Văn H có với nhau 02 người con chung tên là Lữ Đức Bảo, sinh ngày 13/5/2008 và Lữ Minh Xuân sinh ngày 18/7/2012, hiện nay hai cháu đang ở, học tập, làm việc và có cuộc sống ổn định cùng bố và ông bà nội ở bản T1, xã T, huyện B. Chị L có ý kiến là giao hai cháu cho bố và ông bà nội tiếp tục nuôi dưỡng để tránh ảnh hưởng, gián đoạn đến cuộc sống và việc học tập của các cháu. Các cháu đều có nguyện vọng được ở với bố. Nên để ổn định cuộc sống cho cháu Bảo và cháu Xuân, cũng như để cháu phát triển ổn định về thể chất, tinh thần,

nên Hội đồng xét xử cần xem xét giao hai cháu Lữ Đức Bảo, sinh ngày 13/5/2008 và Lữ Minh Xuân sinh ngày 18/7/2012 cho anh Lữ Văn H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

[5]. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Lữ Thị L có ý kiến sẽ cấp dưỡng cho hai cháu, mỗi cháu 1.000.000 đồng/ tháng đến khi các cháu trưởng thành, đủ 18 tuổi và có khả năng lao động, chị L hiện tại đang đi làm thuê thu nhập ổn định, chị xác định có đủ khả năng để cấp dưỡng nuôi con, đồng thời gia đình anh Lữ Văn H cũng đề nghị chị L cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh H, xét yêu cầu đó là tự nguyện cần được chấp nhận.

[6]. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu giải quyết là quyền tự định đoạt của đương sự cần chấp nhận.

[7]. Về án phí: Chị Lữ Thị L là người dân tộc thiểu số, sinh sống ở xã T là xã có điều kiện kinh tế, xã hội đặc biệt khó khăn, chị L có đơn xin miễn án phí, do vậy căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về Quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, Tòa cần xem xét miễn án phí dân sự sơ thẩm cho chị Lữ Thị L.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; Điểm a khoản 1 Điều 8; Điều 11, 12, khoản 1 Điều 51, 57 58, 81, 82, 83, 107, 110, 116 và Điều 117 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Điểm b khoản 2 Điều 4 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016, Hướng dẫn thi hành một số điều của Luật hôn nhân và gia đình Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14.

1. Hủy việc kết hôn trái pháp luật giữa chị Lữ Thị L và anh Lữ Văn H theo Giấy chứng nhận kết hôn số 13/2007 do UBND xã M, huyện B, tỉnh Sơn La cấp ngày 02/4/2007.

2. Hậu quả pháp lý của việc hủy kết hôn trái pháp luật:

- Chị Lữ Thị L và anh Lữ Văn H phải chấm dứt quan hệ như vợ chồng kể từ khi bản án này có hiệu lực pháp luật.

- Về con chung: Giao hai cháu Lữ Đức Bảo, sinh ngày 13/5/2008 và Lữ Minh Xuân sinh ngày 18/7/2012 cho anh Lữ Văn H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến tuổi trưởng thành đủ 18 tuổi và có khả năng lao động. Chị Lữ Thị L có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi cháu Lữ Đức Bảo và cháu Lữ Minh Xuân mỗi cháu là 1.000.000 đồng (Một triệu đồng)/1 tháng, thời điểm cấp dưỡng tính ngày tuyên án sơ thẩm cho đến khi các cháu trưởng thành đủ 18 tuổi và có khả năng lao động. Chị Lữ Thị L được quyền đi lại thăm nom con chung sau khi ly hôn, không ai được cản trở.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu nên không xem xét.

2. Về án phí: Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho chị Lữ Thị L.

Báo cho các đương sự biết được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sơn La;
- VKSND tỉnh Sơn La;
- VKSND huyện B;
- Chi cục THADS huyện B;
- UBND xã M;
- UBND xã T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

T.MHỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

(đã ký)

Quàng Văn Thủy